

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Văn Sinh	Thạc sĩ	0912203262	sinhnhaccdspbn@gmail.com	Khoa Nhạc-Họa- Thể dục,QPAN	VPK Khoa Nhạc- Họa-TD QPAN
2	Đặng Cao Sơn	Thạc sĩ	0934529999	dangcaoson@cdspbacsninh.edu.vn	Khoa Nhạc-Họa- Thể dục,QPAN	VPK Khoa Nhạc- Họa-TD QPAN
3	Dương Thị Tố Nga	ĐH	0988121219	duongtongacdspbn@gmail.com	Khoa Nhạc-Họa- Thể dục,QPAN	VPK Khoa Nhạc- Họa-TD QPAN
4	Nguyễn Văn Thụy	ĐH	0912585030	nguyenvanthuy1976bn@gmail.com	Khoa Nhạc-Họa- Thể dục,QPAN	VPK Khoa Nhạc- Họa-TD QPAN
5	Trần Hùng Viện	Thạc sĩ	0365964168	tranhungviencdspbn@gmail.com	Khoa Nhạc-Họa- Thể dục,QPAN	VPK Khoa Nhạc- Họa-TD QPAN

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **ÂM NHẠC**

- Mã học phần: **AN.MN.CS.01**

- Số tín chỉ: **03**

- Chuyên ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**

Bậc đào tạo: **Cao đẳng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy/VLVH/Liên thông**

- Các học phần tiên quyết: **Không**

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Giờ lý thuyết: 30 + Thực hành: 30 + Sinh viên tự học: 90

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Âm nhạc, Khoa Nhạc –Họa- TD,QPAN.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về nhạc lý phổ thông.

- Người học nắm được các kỹ năng đọc nhạc và hát lời ca một số bài hát ở các giọng: Đô trưởng, Pha trưởng, Son trưởng và la thứ, rê thứ, mi thứ trong chương trình giáo dục ở trường mầm non.

3.2. Kỹ năng:

- Biết vận dụng các kiến thức đã học vào việc đọc nhạc, hát các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.

- Rèn luyện kỹ năng thực hành tự học các bài hát mới...

- Biết vận dụng kiến thức âm nhạc đã học vào giảng dạy âm nhạc ở trường mầm non.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; năng lực đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân.

- NL2: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

KT1: Nắm chắc kiến thức chung về nhạc lý phổ thông.

KT2: Nắm chắc kiến thức về Xương âm và ghép lời ca.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

KNC1. Biết vận dụng kiến thức nhạc lý vào xương âm và ghép lời ca.

KNC2. Biết đọc xương âm và ghép lời ca các bài hát mầm non.

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

KNM1. Sáng tác được các bài hát phù hợp với hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

KNM2. Tự học, tự nghiên cứu.

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; năng lực đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân.

- NL2: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm.

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Kiến thức		Kỹ năng				Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm	
			Kỹ năng cứng		Kỹ năng mềm			
	KT1	KT2	KNC1	KNC2	KNM1	KNM2	NL1	NL2
Bài 1: Âm thanh cao độ.	x		x	x	x	x	x	x
Bài 2: Dấu hóa -Hoá biểu	x		x	x	x	x	x	x
Bài 3: Giới thiệu về quãng.	x		x	x	x	x	x	x
Bài 4: Chông âm- Hợp âm	x		x	x	x	x	x	x
Bài 5: Thang âm -Điệu thức -Giọng	x		x	x	x	x	x	x
Bài 6: Sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc	x		x	x	x	x	x	x
Bài7: Xướng âm giọng đô trưởng		x	x	x	x	x	x	x
Bài8: Xướng âm giọng son trưởng		x	x	x	x	x	x	x
Bài 9: Xướng âm giọng pha trưởng		x	x	x	x	x	x	x
Bài10: Xướng âm giọng la thứ, rê thứ, mi thứ.		x	x	x	x	x	x	x

6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Xem và nghiên cứu tài liệu học tập trước khi lên lớp.
- + Về nhà làm đủ các bài tập và có thái độ chuẩn mực khi lên lớp.
- + Học đủ số giờ lên lớp theo quy định, các bài kiểm tra phải có bài đầy đủ.
- + Dụng cụ học tập phải có đầy đủ, giáo trình học tập.
- Yêu cầu giảng viên:
 - + Chuẩn bị kỹ nội dung bài giảng trước khi lên lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, giáo trình, hồ sơ sổ sách, giáo án, đề cương bài giảng.
 - + Tích cực đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng sinh viên.

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lý thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
1 2 3 4 5	Bài 1 : Âm thanh cao độ	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình,đàm thoại, giải thích,giao nhiệm vụ.....)	LT1-5		10
6 7 8 9 10	Bài 2 Dấu hoá-Hoá biểu	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình,đàm thoại, giải thích,giao nhiệm vụ.....)	LT6-10		10
11 12 13 14	Bài 3 ; Giới thiệu về quãng	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình,đàm thoại, giải thích,giao nhiệm vụ.....)	LT11-14		8
15	Bài 4:Chồng âm-Hợp âm	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ	LT15-17		6

16 17		(Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ.....)			
18 19 20 21	Bài 5; Thang âm -Điệu thức - Giọng	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ.....)	LT18-21		8
22 23 24 25	Bài 6: Sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ.....)	LT22-25		8
26 27 28 29 30 31 32 33 34	Bài 7: Xướng âm giọng đô trưởng	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ....và.) và phương pháp thực hành sửa sai âm mẫu.	LT26	TH1-8	10
35 36 37 38 39 40 41 42 43 44	Bài 8 Xướng âm giọng son trưởng Thực hành học hát các bài hát chủ đề Giao thông Kiểm tra	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ....và.) và phương pháp thực hành sửa sai âm mẫu.	LT27 LT28	TH9-16	10
45	Bài 9: Xướng âm giọng pha	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ	LT29	TH17-22	10

46	trường.	(Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ... và.) và phương pháp thực hành sửa sai âm mẫu.		TH23-24	
47					
48					
49					
50					
51					
52	Thực hành (<i>SV thực hành dự</i>				
53	<i>giờ Hoạt động động âm nhạc tại trường/ cơ sở mầm non)</i>				
54	Bài 10. Xương âm giọng la	Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ... và.) và phương pháp thực hành sửa sai âm mẫu.	LT30	TH25-28	8
55	thứ, rê thứ, mi thứ.				
56					
57					
58					
59	Kiểm tra				
60					
Tổng			30	30	90

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính: Âm nhạc, Múa và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc Nsb giáo dục 2016...
- Một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng mầm non (tài liệu học tập trường cao đẳng sp Bắc Ninh Tác giả Nguyễn Văn Sinh, Đặng Cao Sơn, Dương Tố Nga).
- Tài chính tham khảo: Âm nhạc và phương pháp giảng dạy âm nhạc NXB Đại học Sư phạm 2010...

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.

*Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm.

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm

- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6)

- Hình thức thi: Thực hành Thời gian:

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023
TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Nguyễn Văn Sinh

PHỤ LỤC I.
MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc

3. Mã ngành: 51140201

4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH/Liên thông

Trưởng bộ môn (Kí, ghi rõ họ và tên): Nguyễn Văn Sinh

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần
1. Phẩm chất	1.1. Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	
		1.1.2	
		1.1.3	
		1.1.4	
	1.2. Mến trẻ	1.2.1	
		1.2.2	
		1.2.3	
	1.3. Yêu nghề	1.3.1	
		1.3.2	
		1.3.3	
	1.4. Trung thực	1.4.1	
		1.4.2	
		1.4.3	
	1.5. Trách nhiệm	1.5.1	
		1.5.2	
		1.5.3	
		1.5.4	
		1.5.5	
	1.6. Tự học	1.6.1	
		1.6.2	

2. Năng lực chung	2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	1.6.3	
		2.1.1	
		2.1.2	
		2.1.3	
		2.1.4	
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.1.5	
		2.2.1	
		2.2.2	
		2.2.3	
		2.2.4	
		2.2.5	
		2.2.6	
	2.3. Năng lực lãnh đạo	2.2.7	
		2.3.1	
		2.3.2	
	2.4. Năng lực giải quyết vấn đề	2.3.3	
		2.4.1	
		2.4.2	
		2.4.3	
		2.4.4	
2.4.5			
2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.4.6		
	2.5.1		
		2.5.2	

		2.5.3	
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	
		2.6.2	
		2.6.3	
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	
		3.1.2	
		3.1.3	
		3.1.4	
		3.1.5	
		3.1.6	
		3.1.7	
		3.1.8	
		3.1.9	
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	
		3.2.2	
		3.2.3	
		3.2.4	
		3.2.5	
		3.2.6	
		3.2.7	
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	
		3.3.2	
		3.3.3	
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	
		3.4.2	
		3.4.3	
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	
		3.5.2	
3.5.3			
3.5.4			

4 Năng lực nghề nghiệp	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	
		4.1.2	
		4.1.3	
		4.1.4	
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	
		4.2.2	
		4.2.3	
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	
		4.3.2	
		4.3.3	
		4.3.4	
		4.3.5	
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	
		4.4.2	
		4.4.3	
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	
		4.5.2	
		4.5.3	
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	
		4.6.2	
		4.6.3	

PHỤ LỤC II.
BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kỹ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm														
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kỹ năng cứng						Kỹ năng mềm																				
		K Đ C 1	K Đ C 2	K Đ C 3	K Đ C 4	K Đ C 5	K Đ C 1	K Đ C 2	K Đ C 3	K Đ C 4	K Đ C 5	K Đ C 6	K Đ C 7	K Đ C 8	K Đ C 9	K Đ C 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3					
AN.M N.CS.0 1	Âm nhạc																																									

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.